TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2019/HS-PT
Ngày 29-11-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bé.

- Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Năm.

Bà Nguyễn Thị Tuyết Nga.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quảng Ninh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Lương Thanh Tú – Kiểm sát viên

Trong ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 53/2019/TLPT-HS ngày 29/8/2019 đối với các bị cáo Phạm Anh T, Đỗ Văn H, do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đối với bản án hình sự sơ thẩm số 11/2019/HS-ST ngày 17/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Ngãi.

Bị cáo bị kháng nghị:

1. Họ và tên bị cáo: Phạm Anh T, tên gọi khác: H; sinh năm 1995 tại thành phố Hải Phòng; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 67 V, phường T, quận H, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: tổ XX, phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Ngọc L và bà Bùi Thị C; có vợ tên là Nguyễn Thị Kim T và có 01 con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt;

2. Họ và tên bị cáo: Đỗ Văn H, tên gọi khác: không; sinh năm 1996 tại thành phố Hải Phòng; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số XX H, phường T, quận H, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: tổ XX, phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn T và bà Nguyễn Thị Hương

G; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1976; nơi cư trú: tổ dân phố P, thị trấn C, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt;

2. Ông Ngô Thanh V, sinh năm 1988; nơi cư trú: tổ dân phố P, thị trấn C, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt;

3. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1984; nơi cư trú: số XX, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt;

4. Bà Đào Thị Lệ O, sinh năm 1972; nơi cư trú: tổ XX, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt;

5. Bà Trần Thị N, sinh năm 1965; nơi cư trú: số XX, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt;

6. Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1960; nơi cư trú: Hẻm XX, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt;

7. Bà Phan Thị Kim L, sinh năm 1960; nơi cư trú: tổ Xx, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt;

8. Bà Trương Thị H, sinh năm 1976; nơi cư trú: tổ XX, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt;

9. Ông Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 1981; nơi cư trú: Tổ dân phố Trường Thọ Tây A, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt;

10. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1965; nơi cư trú: số XX, phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt;

11. Bà Phan Thị Bích H, sinh năm 1987; nơi cư trú: số 1147 Q, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt;

12. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1988; nơi cư trú: số XX, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt;

13. Bà Trần Thị Thúy O, sinh năm 1980; nơi cư trú: số XX, tổ X, phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt;

14. Bà Trịnh Thị Kiều H, sinh năm 1972; nơi cư trú: tổ XX, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt;

15. Bà Võ Thị S, sinh năm 1965; nơi cư trú: Hẻm số XX, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt;

16. Bà Nguyễn Thị Kha L, sinh năm 1972; nơi cư trú: tổ X, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 7/2018, mặc dù không được Cơ quan Nhà nước cấp phép hoạt động hoặc được sự ủy quyền của tổ chức có giấy phép hoạt động trong lĩnh vực tín dụng nhưng với mục đích cho vay lấy lãi suất cao nên Phạm Anh T và Đỗ Văn H đến thuê nhà trọ ở đường N, phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, sau đó phát tờ rơi với nội dung "*Cho vay không cần thế chấp*" đồng thời in số điện thoại của Phạm Anh T mang đi phát tờ rơi và dán ở một số địa điểm trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Người nào có nhu cầu vay tiền thì gọi vào số điện thoại của Phạm Anh T thì T và H đến tận nhà cho vay tiền, hai bên thỏa thuận số tiền vay, thời gian vay và số tiền trả hằng ngày, người vay phải đưa giấy tờ tùy thân (bản gốc hoặc bản sao) để T và H nắm giữ.

Với phương thức cho vay như trên, khoảng thời gian từ tháng 9/2018 đến ngày 25/12/2018 Phạm Anh T và Đỗ Văn H đã cho 16 người vay với 40 lần, tổng số tiền cho vay là 515.000.000 đồng với mức lãi suất cho vay từ 23,225%/tháng đến 25%/tháng tương ứng với mức lãi suất 278,7%/năm đến 300%/năm, gấp từ 13,935 lần đến 15 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự năm 2015 (mức lãi suất quy định cao nhất là 20%/năm). Tổng số tiền lãi ở mức 20%/năm là 6.871.212 đồng, tiền lãi trên mức 20%/năm là 91.051.951 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 11/2019/HS-ST ngày 17/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Ngãi quyết định:

Tuyên bố: Phạm Anh T, Đỗ Văn H phạm tội "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".*

Áp dụng : Khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 47; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phạm Anh T 70.000.000 đồng.

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn H 70.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng:

Đối với 31 hồ sơ vay, 04 tờ giấy vở là tài liệu, chứng cứ của vụ án nên tiếp tục lưu trữ trong hồ sơ vụ án.

Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước:

- 01 laptop hiệu Dell 4S79WN2 (kèm sạc pin và chuột không dây).

- Số tiền 91.051.951 đồng.

Trả lại cho Phạm Anh T 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 màu vàng, số Imel 359298063291857.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N).

Tiếp tục tạm giữ số tiền 154.870.000 đồng để đảm bảo thi hành án *(Theo ủy nhiệm chi chuyển tiền điện tử giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N với Chi cục thi hành án dân sự huyện N vào ngày 22/5/2019).*

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về phần trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 09/8/2019, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định kháng nghị số 948/QĐ-VKS kháng nghị một phần bản án hình sự sơ thẩm số 11/2019/HS-ST ngày 17/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Ngãi. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm theo hướng tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước số tiền cho vay là 515.000.000 đồng và số tiền lãi trong định mức là 6.871.212 đồng, trả lại cho những người vay số tiền 91.051.951 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi vẫn giữ nguyên nội dung kháng nghị.

Tại phần kết luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đề nghị: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm a khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự. Chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, tuyên:

Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước số tiền cho vay là 515.000.000 đồng và số tiền lãi trong định mức là 6.871.212 đồng

Trả lại cho những người vay số tiền 91.051.951 đồng. Cụ thể từng người như sau:

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị Thùy T số tiền là 1.323.516 đồng.
- Trả lại cho ông Ngô Thanh V số tiền là 2.230.138 đồng.
- Trả lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền là 3.632.914 đồng.
- Trả lại cho bà Đào Thị Lệ O số tiền là 5.683.209 đồng.
- Trả lại cho bà Trần Thị N số tiền là 2.338.044 đồng.
- Trả lại cho bà Hoàng Thị L số tiền là 5.755.188 đồng.
- Trả lại cho bà Phan Thị Kim L số tiền là 4.904.797 đồng.
- Trả lại cho bà Trương Thị H số tiền là 1.798.473 đồng.
- Trả lại cho ông Nguyễn Tấn Đ số tiền là 3.812.757 đồng.
- Trả lại cho bà Nguyễn Thị N số tiền là 2.194.128 đồng.
- Trả lại cho bà Phan Thị Bích H số tiền là 1.206.735 đồng.
- Trả lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền là 3.525.008 đồng.
- Trả lại cho bà Trần Thị Thúy O số tiền là 3.129.311 đồng.
- Trả lại cho Bà Trịnh Thị Kiều H số tiền là 45.897.526 đồng.
- Trả lại cho bà Võ Thị S số tiền là 2.685.960 đồng.
- Trả lại cho bà Nguyễn Thị Kha L số tiền là 934.247 đồng.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng:

Cấp sơ thẩm xác định 16 người vay tham gia tố tụng với tư cách là người bị hại trong vụ án, tuy nhiên, đây là vụ án hình sự đối với tội "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"* mà khách thể bị xâm phạm là trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về tín dụng, cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, không phải xâm phạm về quyền sở hữu tài sản của công dân. Do đó, những người vay trong vụ án này phải được xác định tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 65 Bộ luật tố tụng hình sự chứ không phải là người bị hại như cấp sơ thẩm đã xác định. Do cấp sơ thẩm xác định sai tư cách tham gia tố tụng nên cấp phúc thẩm xác định lại cho đúng theo quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Phạm Anh T, Đỗ Văn H vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; 16 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do. Xét thấy, việc vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 290 và Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 quyết định xét xử vắng mặt những người này.

[2] Về nội dung: Lợi dụng nhu cầu vay tiền của người dân từ khoảng thời gian tháng 9/2018 đến ngày 25/12/2018, Phạm Anh T và Đỗ Văn H đã cho 16 người vay với 40 lượt vay tại địa bàn thị trấn C, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi và thành phố Q. Tổng số tiền cho vay là 515.000.000 đồng với mức lãi suất cho vay từ 23,225%/tháng đến 25%/tháng tương ứng với mức lãi suất 278,7%/năm đến 300%/năm, gấp từ 13,935 lần đến 15 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự năm 2015 (mức lãi suất quy định cao nhất là 20%/năm). Tổng số tiền lãi ở mức 20%/năm là 6.871.212 đồng, tiền lãi trên mức 20%/năm là 91.051.951 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Phạm Anh T, Đỗ Văn H về tội "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*" quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, thì thấy:

Quá trình điều tra các bị cáo Phạm Anh T, Đỗ Văn H khai nhận trên đường đi từ thành phố Hải Phòng đến thành phố Hồ Chí Minh để tìm việc làm thì gặp đối tượng tên Vũ Văn L. L là người hướng dẫn cho các bị cáo cho vay tiền với lãi suất cao, đồng thời đưa tiền cho các bị cáo để cho người khác vay. Tuy nhiên, quá trình làm việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N không xác định được Vũ Văn L là ai, hiện nay đang ở đâu, nên những khoản tiền mà các bị cáo Phạm Anh T, Đỗ Văn H cho người khác vay là tiền của cá nhân các bị cáo bỏ ra và các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự và trách nhiệm dân sự đối với những khoản tiền này.

Quá trình cho vay, các bị cáo Phạm Anh T, Đỗ Văn H sử dụng số tiền là 515.000.000 đồng để cho người khác vay lấy lãi nặng, nên đây là tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm. Đồng thời, các bị cáo thu lãi trong giới hạn theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 số tiền là 6.871.212 đồng là khoản tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm không tuyên buộc các bị cáo Phạm Anh T, Đỗ Văn H nộp lại những khoản tiền trên là có thiếu sót, nên cần tuyên buộc

các bị cáo Phạm Anh T, Đỗ Văn H phải chịu trách nhiệm nộp lại khoản tiền trên để sung Ngân sách Nhà nước. Như vậy, tổng số tiền mà các bị cáo Phạm Anh T, Đỗ Văn H phải chịu trách nhiệm nộp lại để sung Ngân sách Nhà nước là 521.871.212 đồng (515.000.000 đồng + 6.871.212 đồng). Phạm Anh T, Đỗ Văn H mỗi bị cáo phải chịu trách nhiệm nộp lại 260.935.606 đồng (521.871.212 đồng/2).

Đối với số tiền 91.051.951 đồng, đây là khoản tiền vượt mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, là khoản tiền mà các bị cáo chiếm đoạt của những người vay, cần trả lại cho những người vay. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại tuyên tịch thu, sung Ngân sách Nhà nước khoản tiền này là không đúng, nên cấp phúc thẩm cần sửa lại tuyên trả lại số tiền 91.051.951 đồng cho 16 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cụ thể như sau:

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị Thùy T số tiền là 1.323.516 đồng.

- Trả lại cho ông Ngô Thanh V số tiền là 2.230.138 đồng.

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền là 3.632.914 đồng.

- Trả lại cho bà Đào Thị Lệ O số tiền là 5.683.209 đồng.

- Trả lại cho bà Trần Thị N số tiền là 2.338.044 đồng.

- Trả lại cho bà Hoàng Thị L số tiền là 5.755.188 đồng.

- Trả lại cho bà Phan Thị Kim L số tiền là 4.904.797 đồng.

- Trả lại cho bà Trương Thị H số tiền là 1.798.473 đồng.

- Trả lại cho ông Nguyễn Tấn Đ số tiền là 3.812.757 đồng.

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị N số tiền là 2.194.128 đồng.

- Trả lại cho bà Phan Thị Bích H số tiền là 1.206.735 đồng.

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền là 3.525.008 đồng.

- Trả lại cho bà Trần Thị Thúy O số tiền là 3.129.311 đồng.

- Trả lại cho Bà Trịnh Thị Kiều H số tiền là 45.897.526 đồng.

- Trả lại cho bà Võ Thị S số tiền là 2.685.960 đồng.

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị Kha L số tiền là 934.247 đồng.

[4] Kháng nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Các bị cáo Phạm Anh T, Đỗ Văn H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[6] Các bị cáo Phạm Anh T, Đỗ Văn H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 65, Điều 290, Điều 292, điểm b khoản 1 Điều 355, điểm a khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 11/2019/HS-ST ngày 17/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Ngãi.

Áp dụng : Khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phạm Anh T 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng) về tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"*.

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn H 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng) về tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"*.

2. Về phần trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 46, Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

2.1. Tuyên trả số tiền 91.051.951 đồng cho 16 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cụ thể:

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị Thùy T số tiền là 1.323.516 đồng (một triệu ba trăm hai ba nghìn năm trăm mười sáu đồng).

- Trả lại cho ông Ngô Thanh V số tiền là 2.230.138 đồng (hai triệu hai trăm ba mươi nghìn một trăm ba mươi tám đồng).

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền là 3.632.914 đồng (ba triệu sáu trăm ba mươi hai nghìn chín trăm mười bốn đồng).

- Trả lại cho bà Đào Thị Lệ O số tiền là 5.683.209 đồng (năm triệu sáu trăm tám mươi ba nghìn hai trăm lẻ chín đồng).

- Trả lại cho bà Trần Thị N số tiền là 2.338.044 đồng (hai triệu ba trăm ba mươi tám nghìn không trăm bốn mươi bốn đồng).

- Trả lại cho bà Hoàng Thị L số tiền là 5.755.188 đồng (năm triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn một trăm tám mươi tám đồng).

- Trả lại cho bà Phan Thị Kim L số tiền là 4.904.797 đồng (bốn triệu chín trăm lẻ bốn nghìn bảy trăm chín mươi bảy đồng).

- Trả lại cho bà Trương Thị H số tiền là 1.798.473 đồng (một triệu bảy trăm chín mươi tám nghìn bốn trăm bảy mươi ba đồng).

- Trả lại cho ông Nguyễn Tấn Đ số tiền là 3.812.757 đồng (ba triệu tám trăm mười hai nghìn bảy trăm năm mươi bảy đồng).

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị N số tiền là 2.194.128 đồng (hai triệu một trăm chín mươi bốn nghìn nghìn một trăm hai mươi tám đồng).

- Trả lại cho bà Phan Thị Bích H số tiền là 1.206.735 đồng (một triệu hai trăm không sáu nghìn bảy trăm ba mươi lăm đồng).

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền là 3.525.008 đồng (ba triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn không trăm lẻ tám đồng).

- Trả lại cho bà Trần Thị Thúy O số tiền là 3.129.311 đồng (ba triệu một trăm hai mươi chín nghìn ba trăm mười một đồng).

- Trả lại cho Bà Trịnh Thị Kiều H số tiền là 45.897.526 đồng (bốn mươi lăm triệu tám trăm chín mươi bảy nghìn năm trăm hai mươi sáu đồng).

- Trả lại cho bà Võ Thị S số tiền là 2.685.960 đồng (hai triệu sáu trăm tám mươi lăm nghìn chín trăm sáu mươi đồng).

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị Kha L số tiền là 934.247 đồng (chín trăm ba mươi bốn nghìn hai trăm bốn mươi bảy đồng).

3. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự:

Tuyên buộc bị cáo Phạm Anh T phải chịu trách nhiệm nộp lại số tiền 260.935.606 đồng (hai trăm sáu mươi triệu chín trăm ba mươi lăm nghìn sáu trăm lẻ sáu đồng) sung Ngân sách Nhà nước.

Tuyên buộc bị cáo Đỗ Văn H phải chịu trách nhiệm nộp lại số tiền 260.935.606 đồng (hai trăm sáu mươi triệu chín trăm ba mươi lăm nghìn sáu trăm lẻ sáu đồng) sung Ngân sách Nhà nước.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015

- Đối với 31 hồ sơ vay, 04 tờ giấy vở là tài liệu, chứng cứ của vụ án nên tiếp tục lưu trữ trong hồ sơ vụ án.

- Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: 01 (một) laptop hiệu Dell 4S79WN2 (kèm sạc pin và chuột không dây).

- Trả lại cho Phạm Anh T 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 màu vàng, số Imel 359298063291857. Tiếp tục tạm giữ chiếc điện thoại trên để đảm bảo thi hành án.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyên N).

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 154.870.000 đồng để đảm bảo thi hành án *(Theo ủy nhiệm chi chuyển tiền giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N với Chi cục thi hành án dân sự huyện N vào ngày 22/5/2019).*

5. Về án phí:

Các bị cáo Phạm Anh T, Đỗ Văn H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo Phạm Anh T, Đỗ Văn H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ GĐKT 1 – Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND, TAND huyện N;
- Công an huyện N;
- Chi cục THA dân sự huyện N;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Bé